

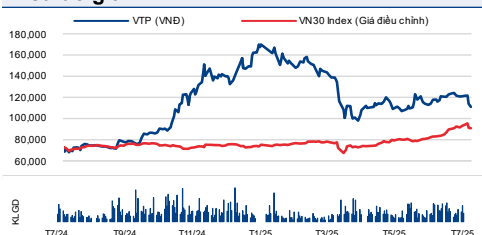
Tăng tỷ trọng

Giá mục tiêu: VNĐ123,800
Tiềm năng tăng/giảm: 11.5%

Giá cổ phiếu (đồng) (31/7/2025)	111,000
Mã Bloomberg	VTP VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	68,193-170,000
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	115,175
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	13,518
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	516
Slg CP lưu hành (tr.đv)	122
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	59.7
Slg CP NN được mua (tr.đv)	51.8
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	6.49%
Tỷ lệ freefloat	0%
Cổ đông lớn	TĐ Viettel (60.8%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	20,735	22,662	25,189
EBITDA đc (tỷ đồng)	450	601	956
LNTT (tỷ đồng)	483	554	768
LNT ĐC (tỷ đồng)	248	284	395
FCF (tỷ đồng)	(505)	(465)	(652)
EPS ĐC (đồng)	2,039	2,336	3,240
DPS (đồng)	1,081	1,500	1,500
BVPS (đồng)	13,043	13,879	15,619
T.trưởng EBITDA (%)	30.9	33.4	59.1
T.trưởng EPS ĐC (%)	0.05	14.6	38.7
Tăng trưởng DPS (%)	(27.9)	38.8	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	2.17	2.65	3.79
Tỷ suất LNTT (%)	2.33	2.44	3.05
Tỷ suất LNT ĐC (%)	1.85	1.94	2.42
Tỷ lệ LN trả CT (%)	34.4	41.6	30.0
Nợ thuần/VCSH (%)	66.9	106	143
ROAE (%)	24.1	26.8	33.9
ROACE (%)	27.2	28.5	32.0
EV/doanh thu (lần)	0.70	0.68	0.64
EV/EBITDA ĐC (lần)	32.4	25.5	17.0
P/E ĐC (lần)	54.5	47.5	34.3
P/B (lần)	8.51	8.00	7.11
Lợi suất cổ tức (%)	0.97	1.35	1.35

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

VTP là doanh nghiệp chuyển phát đứng thứ hai về doanh thu tại Vietnam và đang chuyển mình thành doanh nghiệp logistics. VTP là thành viên của Tập đoàn Viettel - tập đoàn viễn thông lớn nhất tại Việt Nam.

Chuyên viên phân tích

Mai Đoàn Ngọc Hân

Chuyên viên phân tích cao cấp, Ngành
han.mdn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Q2/2025: Lợi nhuận thuần tăng 15% so với cùng kỳ; sát với dự báo

- VTP ghi nhận lợi nhuận thuần Q2/2025 vững chắc ở mức 100 tỷ đồng (tăng 15% so với cùng kỳ và tăng 44% so với quý trước), sát với kỳ vọng của HSC ở mức 100 tỷ đồng, trên doanh thu chuyển phát/logistic cốt lõi vững chắc 3,2 nghìn tỷ đồng (tăng 30% so với cùng kỳ và tăng 12% so với quý trước) bất chấp những lo ngại liên quan đến việc kiểm soát chặt chẽ hàng lậu từ Trung Quốc và hàng giả kể từ tháng 5/2025.
- EBITDA/lợi nhuận thuần 6 tháng đầu năm 2025 đạt 169 tỷ đồng (tăng 16% so với cùng kỳ)/290 tỷ đồng (tăng 34% so với cùng kỳ) trên doanh thu HĐKD cốt lõi 6 nghìn tỷ đồng (tăng 33% so với cùng kỳ), sát với dự báo.
- Sau khi giá cổ phiếu tăng 4% trong 3 tháng qua, VTP đang giao dịch với EV/EBITDA điều chỉnh trượt dự phóng 1 năm là 18,2 lần, cao hơn so với mức bình quân quá khứ là 16,8 lần. Chúng tôi kỳ vọng lợi nhuận sẽ tăng mạnh trong nửa cuối năm 2025 nhờ nới lỏng kiểm soát hàng lậu và các yếu tố mùa vụ thuận lợi. Duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng, giá mục tiêu 123.800đ (tiềm năng tăng giá 12%).

Sự kiện: Công bố KQKD Q2/2025

VTP ghi nhận lợi nhuận thuần Q2/2025 vững chắc ở mức 100 tỷ đồng (tăng 15% so với cùng kỳ và tăng 44% so với quý trước), sát với kỳ vọng của HSC ở mức 100 tỷ đồng. Lợi nhuận vững chắc nhờ doanh thu HĐKD cốt lõi tích cực ở mức 3.195 tỷ đồng (tăng 30% so với cùng kỳ và tăng 12% so với quý trước). EBITDA trong quý cũng tăng mạnh 21% so với cùng kỳ và tăng 25% so với quý trước đạt 161 tỷ đồng.

Trong 6 tháng đầu năm 2025, lợi nhuận thuần và EBITDA đạt lần lượt 169 tỷ đồng (tăng 16% so với cùng kỳ) và 290 tỷ đồng (tăng 34% so với cùng kỳ), hoàn thành lần lượt 39% và 38% dự báo cho cả năm 2025 của chúng tôi. Do trong nửa cuối năm 2025, Công ty thường hưởng lợi từ nhu cầu tăng cao theo mùa vụ, đặc biệt là vào các dịp lễ lớn (như Tết Trung thu, Giáng sinh và thời gian giáp Tết Nguyên đán), cùng với kỳ vọng nới lỏng các chiến dịch kiểm soát hàng giả ở Việt Nam, KQKD nửa đầu năm phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi.

Doanh thu đi ngang so với cùng kỳ do mảng thương mại không còn được chú trọng

Doanh thu thuần Q2/2025 tăng 1% so với cùng kỳ (nhưng giảm 1% so với quý trước) đạt 4.982 tỷ đồng, đa phần nhờ doanh thu dịch vụ tăng 23% so với cùng kỳ (bao gồm doanh thu cốt lõi chuyển phát và logistic,

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q2/2025, VTP

Lợi nhuận thuần Q2/2025 đạt 100 tỷ đồng, tăng 15% so với cùng kỳ và tăng 44% so với quý trước, sát dự báo của HSC

Tỷ đồng	Q2/25	So với cùng kỳ	So với quý trước	6T25	So với cùng kỳ	% db 2025 HSC
Doanh thu thuần	4,982	0.8%	-1.2%	10,024	4.2%	44.2%
Doanh thu cốt lõi	3,195	29.8%	12.3%	6,039	33.1%	41.9%
Lợi nhuận gộp	271	20.9%	2.5%	536	37.0%	
Lợi nhuận HĐ tài chính	4	-45.5%	N.M.	4	-82.7%	
Chi phí BH&QL	-149	23.2%	-15.0%	-324	39.5%	
LNTT	126	14.9%	41.9%	214	17.2%	
Lợi nhuận thuần	100	14.6%	43.9%	169	16.2%	38.5%
Khấu hao	-40	25.0%	0.0%	-80	36.5%	
EBITDA	161	20.9%	25.4%	290	33.5%	38.4%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	5.4%	+0.9ppts	+0.2ppts	5.3%	+1.3ppts	
Chi phí BH&QL /Doanh thu	3.0%	+0.5ppts	-0.5ppts	3.2%	+0.8ppts	
Tỷ suất lợi nhuận thuần	2.0%	+0.2ppts	+0.6ppts	1.7%	+0.2ppts	
Tỷ suất EBITDA	3.2%	+0.5ppts	+0.7ppts	2.9%	+0.6ppts	

Nguồn: VTP, HSC

và doanh thu dịch vụ thuê ngoài vận hành mạng lưới cửa hàng của Viettel) đạt 3.668 tỷ đồng (đóng góp 74% vào tổng doanh thu thuần), bù trừ cho mức giảm 33% so với cùng kỳ xuống 1.314 tỷ đồng của doanh thu mảng thương mại (đóng góp 26% vào tổng doanh thu thuần). HSC lưu ý rằng VTP đang tập trung nhiều hơn vào mảng dịch vụ và giảm bớt sự tập trung vào mảng thương mại (kinh doanh các sản phẩm có giá trị gia tăng thấp như SIM & văn phòng phẩm). Doanh thu dịch vụ tăng 23% so với cùng kỳ là nhờ doanh thu chuyển phát và logistic cốt lõi tăng 30% so với cùng kỳ, đạt 3.195 tỷ đồng.

Đáng lưu ý, tổng doanh thu ngành chuyển phát của Việt Nam trong nửa đầu năm 2025 tăng 13% so với cùng kỳ đạt 38,3 nghìn tỷ đồng. Doanh thu cốt lõi 6 tháng đầu năm 2025 của VTP tăng mạnh hơn toàn ngành, với mức tăng 33% so với cùng kỳ, đạt 6.039 tỷ đồng. Thị phần của VTP trong nửa đầu năm 2025 đạt 15,8%, cao hơn so với mức 13,4% trong nửa đầu năm 2024 và 13,8% trong năm 2024.

Tỷ suất lợi nhuận gộp cải thiện nhờ cơ cấu doanh thu HĐKD cốt lõi tốt hơn

Trong Q2/2025, tỷ suất lợi nhuận gộp của VTP cải thiện 0,8 điểm phần trăm so với cùng kỳ lên 5,4%, so với 4,6% trong Q2/2024 và 5,2% trong Q1/2025, nhờ đóng góp cao hơn của mảng dịch vụ có tỷ suất lợi nhuận cao vào tổng doanh thu (tăng lên 74% trong Q2/2025, từ 60% trong Q2/2024). Tuy nhiên, xét theo mảng kinh doanh, tỷ suất lợi nhuận gộp của mảng dịch vụ giảm 0,5 điểm phần trăm so với cùng kỳ (và giảm 0,6 điểm phần trăm so với quý trước) xuống 7,1%. Chúng tôi cho rằng nguyên nhân chính của sự sụt giảm này là do đang diễn ra cuộc chiến về giá giữa các công ty giao hàng để giành thị phần, đặc biệt trong bối cảnh siết chặt kiểm soát hàng giả của Chính phủ trong 3 tháng qua. Trong khi đó, tỷ suất lợi nhuận gộp của mảng thương mại cải thiện 0,6 điểm phần trăm so với cùng kỳ/so với quý trước lên 0,7% trong Q2/2025 nhờ tối ưu hóa chi phí.

Lợi nhuận HĐ tài chính Q2/2025 giảm 46% so với cùng kỳ xuống 4 tỷ đồng, chủ yếu do chi phí lãi vay tăng 26% so với cùng kỳ. Chi bán hàng & quản lý trong Q2/2025 tăng 23% so với cùng kỳ (nhưng giảm 15% so với quý trước) đạt 149 tỷ đồng, nhờ doanh thu HĐKD cốt lõi tăng mạnh so với cùng kỳ và có thể là nhờ sử dụng các nguồn lực của Công ty (trung tâm phân loại và kho bãi) hiệu quả hơn quý trước.

Nhìn chung, tỷ suất lợi nhuận thuần tăng 0,2 điểm phần trăm so với cùng kỳ và tăng 0,6 điểm phần trăm so với quý trước lên 2% trong Q2/2025 nhờ cơ cấu doanh thu hiệu quả hơn như HSC đã thảo luận ở phần trên. Trong khi đó, lợi nhuận thuần Q2/2025/nửa đầu năm 2025 đạt 100 tỷ đồng/169 tỷ đồng, tăng 15% so với cùng kỳ và tăng 16% so với cùng kỳ. Với kết quả này, lợi nhuận thuần 6 tháng đầu năm 2025 đã hoàn thành 39% dự báo cho cả năm 2025 của chúng tôi.

Quy định liên quan đến xe xăng và tác động đến ngành giao hàng

HSC lưu ý rằng Việt Nam đã bắt đầu cấm xe xăng theo lộ trình. Hà Nội hạn chế xe xăng tại các quận trung tâm từ tháng 7/2026 và toàn thành phố vào năm 2030. TP.HCM có kế hoạch chuyển đổi toàn bộ 400.000 xe xăng dùng cho dịch vụ gọi xe và giao hàng sang xe điện, không ký hợp đồng mới với tài xế chạy xe xăng từ tháng 1/2026, cùng với việc thí điểm chi cho đăng ký mới xe điện tại Côn Đảo và Cần Giờ.

Mặc dù chúng tôi chưa nhận thấy tác động đáng kể lên dịch vụ chuyển phát của VTP, nhưng chính sách này có thể gây áp lực lên các tài xế giao hàng trong trung hạn vì phải đối mặt với chi phí ban đầu cho xe điện khá cao, tính ít linh hoạt hơn xe xăng, dung lượng pin và sự hạn chế về hạ tầng sạc.

Chúng tôi cho rằng việc ứng dụng xe điện tại Việt Nam sẽ được đẩy mạnh từ năm 2025, cũng như sẽ có thêm nhiều mối quan hệ hợp tác giữa các nền tảng giao hàng và nhà sản xuất xe điện (ví dụ: VinFast) giúp giảm bớt áp lực chi phí

trong giai đoạn đầu áp dụng bằng cách đưa ra mức chiết khấu cho các đơn vị giao hàng, các lựa chọn tài chính và cơ sở hạ tầng chung, từ đó cải thiện khả năng chi trả và hiệu quả hoạt động cho các đơn vị chuyển phát.

Duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng, giá mục tiêu và dự báo lợi nhuận

Với KQKD Q2/2025 sát với dự báo, HSC giữ nguyên dự báo lợi nhuận thuần 439 tỷ đồng (tăng trưởng 15%) và EBITDA 755 tỷ đồng (tăng trưởng 29%). Sau khi giá cổ phiếu tăng 4% trong 3 tháng qua, VTP đang giao dịch với EV/EBITDA điều chỉnh trượt dự phóng 1 năm là 18,2 lần, cao hơn một chút so với bình quân từ năm 2019 ở mức 16,8 lần. Chúng tôi duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng với giá mục tiêu 123.800đ, tiềm năng tăng giá 12%.

Bảng 2: Cơ cấu doanh thu, VTP

Lợi nhuận thuần Q2 đi ngang so với cùng kỳ và so với quý trước, do giảm bớt sự tập trung vào mảng thương mại trong khi mảng dịch vụ cốt lõi vẫn duy trì bền vững

	Q2/24	Q1/25	Q2/25	So với cùng kỳ	So với quý trước	6T24	6T25	So với cùng kỳ
Tổng doanh thu	4,945	5,042	4,982	0.8%	-1.2%	9,619	10,024	4.2%
Dịch vụ	2,987	3,375	3,668	22.8%	8.7%	5,686	7,043	23.9%
Thương mại	1,958	1,667	1,314	-32.9%	-21.2%	3,933	2,981	-24.2%
Tỷ trọng								
Dịch vụ	60.4%	66.9%	73.6%			59.1%	70.3%	
Thương mại	39.6%	33.1%	26.4%			40.9%	29.7%	

Nguồn: VTP, HSC

Bảng 3: Tỷ suất lợi nhuận gộp theo mảng kinh doanh, VTP

Tỷ suất lợi nhuận gộp Q2/2025 tăng 0,8 điểm phần trăm, nhờ đóng góp từ mảng dịch vụ tăng

	Q2/24	Q1/25	Q2/25	So với cùng kỳ (điểm phần trăm)	So với quý trước (điểm phần trăm)	6T24	6T25	So với cùng kỳ (điểm phần trăm)
Tỷ suất lợi nhuận gộp	4.6%	5.2%	5.4%	0.8	0.2	4.1%	5.3%	1.2
Dịch vụ	7.6%	7.8%	7.1%	-0.5	-0.6	6.9%	7.4%	0.5
Thương mại	0.1%	0.2%	0.7%	0.6	0.6	0.1%	0.4%	0.3

Nguồn: VTP, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	19,588	20,735	22,662	25,189	29,293
Lợi nhuận gộp	882	1,005	1,179	1,480	1,872
Chi phí BH&QL	(465)	(554)	(620)	(683)	(790)
Thu nhập khác	3.63	1.43	1.49	1.61	1.83
Chi phí khác	(7.49)	(0.85)	(0.89)	(0.96)	(1.09)
EBIT	413	452	560	797	1,083
Lãi vay thuần	70.3	31.2	(6.48)	(29.0)	(49.4)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	-	-	-	-	-
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	483	483	554	768	1,034
Chi phí thuế TNDN	(101)	(100)	(115)	(159)	(214)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	383	383	439	609	819
Lợi nhuận thuần ĐC	231	248	284	395	531
EBITDA ĐC	344	450	601	956	1,315
EPS (đồng)	3,144	3,146	3,605	5,000	6,727
EPS ĐC (đồng)	1,900	2,039	2,336	3,240	4,359
DPS (đồng)	1,500	1,081	1,500	1,500	2,000
Slg CP bình quân (triệu đv)	122	122	122	122	122
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	122	122	122	122	122
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	122	122	122	122	122

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	895	390	322	234	254
Đầu tư ngắn hạn	1,698	1,430	1,133	1,259	1,465
Phải thu khách hàng	2,249	2,157	2,266	2,393	2,636
Hàng tồn kho	398	279	305	339	395
Các tài sản ngắn hạn khác	260	472	227	252	293
Tổng tài sản ngắn hạn	5,500	4,728	4,253	4,478	5,043
TSCĐ hữu hình	338	691	2,312	3,405	4,102
TSCĐ vô hình	35.9	53.7	79.0	115	167
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	83.9	75.0	82.0	91.1	106
Đầu tư vào Cty LD,LK	74.0	30.0	30.0	30.0	30.0
Tài sản dài hạn khác	408	785	858	954	1,109
Tổng tài sản dài hạn	939	1,635	3,361	4,595	5,514
Tổng cộng tài sản	6,439	6,364	7,614	9,073	10,557
Nợ ngắn hạn	1,671	1,376	1,586	2,141	2,490
Phải trả người bán	485	661	722	803	934
Nợ ngắn hạn khác	2,521	2,513	2,941	3,254	3,763
Tổng nợ ngắn hạn	4,802	4,676	5,376	6,325	7,314
Nợ dài hạn	40.8	72.5	519	814	1,015
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	-	-	-	-	-
Nợ dài hạn khác	12.6	26.5	28.9	32.1	37.4
Tổng nợ dài hạn	53.4	99.0	548	846	1,053
Tổng nợ phải trả	4,855	4,775	5,924	7,171	8,367
Vốn chủ sở hữu	1,584	1,588	1,690	1,902	2,189
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng vốn chủ sở hữu	1,584	1,588	1,690	1,902	2,189
Tổng nợ phải trả và VCSH	6,439	6,364	7,614	9,073	10,557
BVPS (đ)	13,009	13,043	13,879	15,619	17,979
Nợ thuần*/(tiền mặt)	817	1,058	1,783	2,720	3,251

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	413	452	560	797	1,083
Khấu hao	(82.4)	(133)	(195)	(373)	(521)
Lãi vay thuần	70.3	31.2	(6.48)	(29.0)	(49.4)
Thuế TNDN đã nộp	(35.0)	(127)	(115)	(159)	(214)
Thay đổi vốn lưu động	(177)	(407)	(73.4)	(80.3)	(168)
Khác	(42.7)	(129)	970	162	263
LCT thuần từ HKKD	178	(131)	1,377	849	1,147
Đầu tư TS dài hạn	(375)	(374)	(1,841)	(1,502)	(1,269)
Góp vốn & đầu tư	(601)	(1,124)	0	0	0
Thanh lý	827	1,435	0	0	0
Khác	120	130	(79.9)	(105)	(170)
LCT thuần từ HĐĐT	(28.5)	68.2	(1,921)	(1,607)	(1,439)
Cổ tức trả cho CSH	(128)	(180)	(183)	(183)	(244)
Thu từ phát hành CP	(1.30)	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	415	(263)	657	850	551
Khác	0	0	2.46	3.22	5.24
LCT thuần từ HĐTC	285	(443)	477	670	312
Tiền & tương đương tiền đầu kì	-	-	-	-	-
LCT thuần trong kỳ	435	(506)	(68.0)	(87.1)	19.9
Ảnh hưởng của tỷ giá	0.76	0.92	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	436	(505)	(68.0)	(87.1)	19.9
Dòng tiền tự do	(197)	(505)	(465)	(652)	(122)

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	4.50	4.85	5.20	5.87	6.39
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	1.76	2.17	2.65	3.79	4.49
Tỷ suất LNT (%)	1.95	1.85	1.94	2.42	2.80
Thuế TNDN hiện hành (%)	20.8	20.7	20.7	20.7	20.7
Tăng trưởng doanh thu (%)	(9.44)	5.86	9.29	11.2	16.3
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	3.93	30.9	33.4	59.1	37.6
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	4.48	7.27	14.6	38.7	34.5
Tăng trưởng EPS (%)	49.7	0.05	14.6	38.7	34.5
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	4.48	7.27	14.6	38.7	34.5
Tăng trưởng DPS (%)	30.4	(27.9)	38.8	0	33.3
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	47.7	34.4	41.6	30.0	29.7
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	25.8	24.1	26.8	33.9	40.0
ROACE (%)	27.2	27.2	28.5	32.0	36.2
Vòng quay tài sản (lần)	3.22	3.24	3.24	3.02	2.98
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	0.43	(0.29)	2.46	1.07	1.06
Số ngày tồn kho	7.76	5.17	5.19	5.22	5.25
Số ngày phải thu	43.9	39.9	38.5	36.8	35.1
Số ngày phải trả	9.46	12.2	12.3	12.4	12.4
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	51.8	66.9	106	143	149
Nợ/tài sản (%)	26.6	22.8	27.7	32.6	33.3
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	86.5	27.5	21.9
Nợ/EBITDA (lần)	3.46	2.48	2.79	2.53	2.19
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.15	1.01	0.79	0.71	0.69
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.73	0.70	0.68	0.64	0.57
EV/EBITDA ĐC (lần)	41.7	32.4	25.5	17.0	12.7
P/E (lần)	35.3	35.3	30.8	22.2	16.5
P/E ĐC (lần)	58.4	54.5	47.5	34.3	25.5
P/B (lần)	8.53	8.51	8.00	7.11	6.17
Lợi suất cổ tức (%)	1.35	0.97	1.35	1.35	1.80

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn